

Số: 33/KH-THTTrGL

Thị trấn Gia Lộc, ngày 19 tháng 11 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### V/v thực hiện các khoản thu góp, ủng hộ năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND Hải Dương, ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 2528/HDLN SGDĐT-STC ngày 15/11/2024 của Sở GD&ĐT và Sở Tài chính V/v hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

Trường Tiểu học Thị trấn Gia Lộc lập kế hoạch thực hiện các khoản thu năm học 2024-2025 như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Thực hiện các thu – chi các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục nhằm hỗ trợ các hoạt động phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục học sinh.

Tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường và, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu dạy-học của thầy và trò.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ.

#### 2. Yêu cầu

Thực hiện các nội dung thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản thu phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Phù hợp với yêu cầu của nhà trường nhằm phục vụ công tác giáo dục HS.

Mức thu đúng thực tế, phù hợp với điều kiện của địa phương, được sự đồng thuận ủng hộ từ PHHS; Thực hiện chế độ miễn, giảm đối với học sinh thuộc đối tượng chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Bám sát văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý, thực hiện trình tự 5 bước tại Hướng dẫn số 2528/HDLN SGDDĐT-STC ngày 15/11/2024 của Sở GD&ĐT và Sở Tài chính; Công khai tài chính theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024.

## II. NỘI DUNG

### 1. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hải Dương)

#### 1.1. Dịch vụ bán trú

\* *Tiền mua đồ dùng bán trú:*

- Thu: 200.000 đồng/học sinh/khóa; Dự kiến thu: 196 em x 200.000 = 39.200.000 đồng
- Chi:

TT	Nội dung chi	SL	Đ/v tính	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Khay ăn	197	Cái	45.000	8.865.000	
2	Chăn	65	Cái	200.000	13.000.000	
3	Cốc	197	Cái	6.000	1.182.000	
4	Giá để cốc, bình nước	7	Cái	600.000	4.200.000	
5	Dao	2	Cái	50.000	100.000	
6	Thớt	1	Cái	150.000	150.000	
7	Muôi	8	Cái	35.000	280.000	
8	Bát Inox to	8	Cái	35.000	280.000	
9	Sọt vuông gánh com	12	Cái	150.000	1.800.000	
10	Rổ tròn gánh canh	4	Cái	70.000	280.000	
11	Xoong canh	2	Cái	470.000	940.000	
12	Thìa com	310	Cái	2.000	620.000	
13	Dây dù gánh com	1	Cuộn	300.000	300.000	
14	Rổ to	2	Cái	60.000	120.000	
15	Giá vo gạo nhôm	2	Cái	100.000	200.000	
16	Chậu to	1	Cái	200.000	200.000	
17	Giá treo khăn mặt	7	Cái	1.800.000	12.600.000	
18	Quang gánh, đòn gánh để gánh com	8	đôi	60.000	480.000	
19	Tủ hấp com ga + điện	01	Chiếc	17.500.000	17.500.000	
20	Tủ hấp com điện	01	Chiếc	15.500.000	15.500.000	
21	Tủ sấy khay Inox	01	Chiếc	27.800.000	27.800.000	
22	Bồn rửa công nghiệp	01	Bộ	7.800.000	7.800.000	
<b>Cộng</b>					<b>114.197.000</b>	

**Thu – chi: 39.200.000 - 114.197.000 = -74.997.000 (âm: bảy mươi lăm triệu ba trăm chín bảy ngàn đồng). Số tiền còn thiếu sẽ sử dụng nguồn thu của học sinh đăng ký ăn bán trú lần đầu của những năm học sau và nguồn tài trợ hợp pháp khác để trả).**

**\* Tiền ăn bán trú**

- Thu suất ăn:

+Thu suất ăn lớp 1,2: 17.000 đồng/suất

+ Thu suất ăn lớp 3,4,5: 18.000 đồng/suất

(ăn bữa nào thu tiền bữa ấy)

- Chi suất ăn: Mua thực phẩm với đơn vị cung cấp

**\* Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú:**

- Thu: 145.000 đồng/tháng (Học sinh ăn đủ tháng thi thu 100%; giảm thu 25% nếu nghỉ từ 4 buổi - 9 buổi; giảm thu 50% nếu nghỉ từ 10 buổi -14 buổi; giảm thu 75% nếu nghỉ 15 buổi – 19 buổi ...)

- Chi: người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, vệ sinh, bảo vệ, quản lý

**\* Tiền phụ phí bán trú:**

- Thu: 45.000 đồng/tháng (Học sinh ăn đủ tháng thi thu 100%; giảm thu 25% nếu nghỉ từ 4 buổi - 9 buổi; giảm thu 50% nếu nghỉ từ 10 buổi -14 buổi; giảm thu 75% nếu nghỉ 15 buổi – 19 buổi ...)

+ Chi: điện, nước, chất đốt, nước tẩy rửa

**1.2. Dịch vụ vệ sinh trường lớp (quét lớp, quét dọn sân trường, dọn nhà vệ sinh, xử lý rác thải...)**

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 và tình hình thực tế năm học 2024 – 2025, nhà trường xây dựng dự toán như sau:

**\* Phân chi:**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	SL -t/g (tháng)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thuê người dọn các nhà vệ sinh, khơi thông cống rãnh; quét dọn, vệ sinh toàn bộ sân trường, vườn trường, cổng trường, phân loại rác; quét lớp 1,2; cắt tỉa cây cảnh	tháng có hoạt động	9	6 500 000	58.500.000
2	Thuê người dọn các nhà vệ sinh, khơi thông cống rãnh, cắt cỏ, tỉa cây, phân loại rác, chuyển rác	tháng hè	3	2 000 000	6.000.000
3	Mua chổi	cái	96	50 000	4.800.000
4	Mua gầu hút rác	cái	24	20 000	480.000
5	Mua thùng đựng rác trong nhà VS	cái	16	50 000	800.000

6	Mua thùng đựng rác ngoài sân trường	cái	3	980 000	2.940.000
7	Mua dụng cụ vệ sinh nền nhà VS HS	cái	40	35 000	1.400.000
8	Mua nước lau sàn nhà VS	can	100	75 000	7.500.000
9	Mua dụng cụ vệ sinh bồn, bệ VS	cái	20	50 000	1.000.000
10	Mua nước tẩy bồn cầu	can	50	75 000	3.750.000
11	Mua giấy vệ sinh	bịch	10	450 000	4.500.000
12	Men xử lý bể phốt	gói	100	50 000	5.000.000
13	Thuê máy hút bể phốt	đợt	2	2 000 000	4.000.000
14	Thuê xử lý rác thải	tháng	10	1.500.000	15.000.000
15	Thuê cắt tỉa cây, phun thuốc trừ bọ nẹt	đợt	2	5.000.000	10.000.000
<b>Tổng chi</b>					<b>124.670.000</b>

**\* Phân thu:**

**- Đối với HS lớp 1,2 (có thuê lao công quét lớp):**

+ 20.000 đồng/HS/tháng x 9 tháng = 180.000 đồng/1HS/1 năm.

+ Số tiền thu/năm: 340 HS x 180.000 đồng = 61.200.000 đồng

**- Đối với HS lớp 3,4,5 (HS tự quét lớp):**

+ 17.000 đồng/HS/tháng x 9 tháng = 153.000 đồng/1HS/năm.

+ Số tiền thu/năm: 415 HS x 153.000 đồng = 63.495.000 đồng

**- Tổng thu:** 61.200.000 đồng + 63.495.000 đồng = 124.695.000 đồng

**1.3. Dịch vụ điều hòa phục vụ trực tiếp cho học sinh**

Nhà trường phối hợp với phụ huynh lắp đặt điều hòa cho 24 lớp/24 lớp, mỗi lớp 2 điều hòa có công suất từ 12.000 BTU – 18.000 BTU. Việc sử dụng điều hòa có đồng hồ điện để theo dõi tiêu thụ điện năng riêng cho các lớp.

Căn cứ vào thực tế tháng 9/2024, tháng 10/2024 và ½ số ngày của tháng 11/2024, số điện năng tiêu thụ như sau:

Số điện: 7.681

Giá điện/số: 2.050 đồng

Tổng số tiền phải trả C.ty điện lực: 15.746.000 đồng (bao gồm VAT)

Số tiền thu 1 HS trong 2,5 tháng: 15.746.000 đồng/754 (trừ 9 em hộ nghèo, khuyết tật và lang thang cơ nhỡ): 20.883 đồng (làm tròn 21.000 đồng)

Số tiền thu 1 HS/tháng: 8.400 đồng/tháng

Sử dụng điều hòa trong 1 năm học gồm 6 tháng (là các tháng: tháng 9, tháng 10, tháng 11 năm 2024 và tháng 3, tháng 4, tháng 5 năm 2025)

Dự kiến mỗi em cần phải thu tiền điện sử dụng điều hòa là: 8.400 đồng x 6 tháng = 50.400 đồng.

(Số tiền trên là ước tính, sau năm học khi có số điện năng tiêu thụ chính xác cũng như giá điện từ thời điểm sẽ thanh toán và thu của phụ huynh học sinh)

**2. Các khoản thu theo văn bản khác**

**2.1. Trông giữ xe đạp của học sinh (Theo QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 17/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương)**

10.000 đồng/xe/tháng (không có HS gửi xe)

**2.2. Khoản thu học 2 buổi/ngày (thực hiện theo TT32/2018/TT-BGDĐT)**

TT	Nội dung	Tiết/ tuần	Số người (Lớp)	Số tuần	Số tiết (Số tiền)
1	<b>Tổng số tiết phải thực hiện trong 17 tuần</b>	<b>35</b>	<b>24</b>	<b>17</b>	<b>14.280</b>
2	<b>Tổng định mức tiết dạy 17 tuần của cán bộ quản lý và giáo viên (2.1+2.2+2.3)</b>				<b>12.614</b>
	Hiệu trưởng	2	1	17	34
	Phó hiệu trưởng	4	1	17	68
	Số giáo viên	23	32	17	12.512
3	<b>Tổng số giờ được giảm, quy đổi theo TT 28/2009/TT-BGDĐT và TT 08/2016/TT-BGDĐT (Tổng 3.1 đến 3.10)</b>				<b>2.159</b>
	Giáo viên chủ nhiệm	3	24	17	1.224
	Tổ trưởng	3	3	17	153
	Tổ phó	1	3	17	51
	Chủ tịch công đoàn	4	1	17	68
	BCH Công đoàn và TTND	2	2	17	68
	Thư kí hội đồng	2	1	17	34
	Tổng phụ trách Đội	15	1	17	255
	Số tiết giảm trừ chế độ GV có con dưới 12 tháng tuổi	0	0	0	0
	Số tiết phụ trách phòng bộ môn: Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật	3	4	17	204
	Số tiết GV kiêm nhiệm công tác thư viện (do không có nhân viên thư viện)	3	1	17	51
	Số tiết phụ trách Tâm lý học đường	3	1	17	51
4	<b>Tổng số tiết đảm bảo được theo quy định trong 17 tuần (2-3)</b>				<b>10.455</b>
5	<b>Số tiết dạy vượt giờ trong 17 tuần (1-4)</b>				<b>3.825</b>
6	<b>Số tiền chi trả 1 tiết thừa giờ</b>				
	Tổng tiền lương 12 tháng trong năm bình quân 1 lao động tháng 12 năm 2024: 478,369,000 đồng x 12 (tháng) / 37 (người)				155.146.703
	Tiền lương 1 giờ dạy bình quân toàn trường: 155,146,703 đồng: 805 (23 tiết x 35 tuần) x (35 tuần / 52 tuần)				129.721
	Tiền lương 1 giờ dạy buổi hai: (129,271 đồng x 150%)				194.582

7	<b>Tổng số tiền phải thu để chi trả dạy vượt giờ trong 17 tuần (Số tiền 1 tiết x số tiết phải thu tiền)</b>	<b>744.276.093</b>
8	<b>Tổng số tiết tăng của 24 lớp trong 17 tuần (Theo TT32)</b>	<b>3.111</b>
	Lớp 1: (10 tiết x 7 lớp x 17 tuần)	1.190
	Lớp 2: (10 tiết x 4 lớp x 17 tuần)	680
	Lớp 3: 7 tiết x 4 lớp x 17 tuần	476
	Lớp 4: 5 tiết x 4 lớp x 17 tuần	340
	Lớp 5: 5 tiết x 5 lớp x 17 tuần	425
9	<b>Số tiết tăng trung bình/tuần của mỗi lớp (Tổng số tiết tăng: 24 lớp / 17 tuần)</b>	7,63
10	<b>Số tiền 1 tiết thu của HS (Số tiền phải thu 17 tuần: Số tiết tăng của 24 lớp)</b>	239.240,15
11	<b>Số tiền phải thu của 24 lớp/tuần (Số tiền thu HS 1 tiết x số tiết tăng TB x 24 lớp)</b>	<b>43.780.947</b>
12	<b>Số HS toàn trường thu tiền (Dự kiến)</b>	<b>745</b>
	Khối 1: 211 em; miễn giảm 05 em, dự kiến thất thu 01 em, thu 205 em	205
	Khối 2: 132 em; dự kiến thất thu 01 em, thu 131 em	131
	Khối 3: 136 em; miễn giảm 01 em, dự kiến thất thu 01 em, thu 134 em	134
	Khối 4: 122 em; miễn giảm 02 em, dự kiến thất thu 01 em, thu 119 em	119
	Khối 5: 162 em; miễn giảm 05 em, dự kiến thất thu 01 em, thu 156 em	156
13	<b>Số tiền phải thu của 1 HS/tuần (Số tiền thu 24 lớp/tuần / số HS thu).</b>	<b>58.766</b>
14	<b>Nội dung chi trả thừa giờ</b>	
	Nộp thuế theo TT78/2014	2% tổng thu
	Chi trả cho GV dạy 2 buổi/ngày	80% sau nộp thuế
	Chi công tác quản lí, hội họp, CBQL, nhân viên CSVN	20% sau nộp thuế
<b>Tổng chi:</b>		<b>100% tổng thu</b>

**2.3. Khoản thu dạy thêm học thêm (KNS, Tiếng Anh với người nước ngoài-Theo Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT)**

(Không tổ chức)

**2.4. Các khoản tài trợ cho giáo dục (Theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT)**

TT	Tên công trình, hạng mục, thiết bị	Kinh phí	Ghi chú
1	Bảo dưỡng điều hòa; chuyển điều hòa và tivi phòng học	30 triệu	
2	Xây dựng và mua sắm thiết bị bán trú	150 triệu	
3	Đổ bê tông lối đi ra nhà vệ sinh và sân chơi	20 triệu	
4	Lắp hệ thống dây 3 pha; sửa chữa điện, nước lớp học	50 triệu	
		<b>250 triệu</b>	

**2.5. Tiền mua nước uống tinh khiết cho học sinh (Theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)**

Căn cứ thực tế HS đã sử dụng nước uống tinh khiết năm học 2023 – 2024 và tình hình thực tế năm học 2024 – 2025, nhà trường dự kiến như sau:

**\* Phần chi:**

- Số bình nước (loại 18.9 lít) cần đáp ứng:

+ Từ tháng 28/8/2024 đến hết tháng 3/2024: Tổng 29 tuần = 140 ngày. Trung bình 1 HS dùng hết 0,3 lít/ngày. Số lít nước cần:  $763 \text{ HS} \times 0,3 \text{ bình} \times 140 \text{ ngày} = 32.046 \text{ lít}$ . Số bình nước cần:  $32.046 \text{ lít} / 18 \text{ lít/bình} = 1.780 \text{ bình}$ ;

+ Từ tháng 9/2024 đến tháng 3/2024: Tổng 7 tuần = 35 ngày. Trung bình 1 HS dùng hết 0,5 lít/ngày. Số lít nước cần:  $763 \text{ HS} \times 0,5 \text{ bình} \times 35 \text{ ngày} = 13.352 \text{ lít}$ . Số bình nước cần:  $13.352 \text{ lít} / 18 \text{ lít/bình} = 741 \text{ bình}$ ;

+ Cả năm học cần:  $1780 \text{ bình} + 741 \text{ bình} = 2521 \text{ bình}$ ;

- Số tiền chi phí:

- Giá tiền 1 bình (theo hợp đồng): 20.000 đồng;

- Số tiền cần:  $2521 \text{ bình} \times 20.000 \text{ đồng} = 50.042.000 \text{ đồng}$ ;

**\* Phần thu:**

- Số tiền thu 1 học sinh/năm:  $50.042.000 \text{ đồng} / 763 \text{ HS} = 66.000 \text{ đồng}$

- Số tiền thu 1 học sinh/tháng:  $66.000 \text{ đồng} / 9 \text{ tháng} = 7.300 \text{ đồng}$

**3. Các khoản nhà trường có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp tổ chức nhưng không trực tiếp thu**

**3.1. Tiền đồng phục của học sinh (Theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT)**

Nhà trường giới thiệu nhà may Kim Xuyên, địa chỉ: Chợ Thạch khô, TPHD. Cha mẹ học sinh cùng nhà trường thống nhất mẫu mã. Cha mẹ học sinh tự đặt mua.

**3.2. Kinh phí hoạt động của cha mẹ học sinh (Theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT)**

Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động, trong đó vận động xây dựng kinh phí hoạt động. Nhà trường giám sát quá trình thực hiện chi.

**3.3. Bảo hiểm thân thể học sinh**

Công ty Bảo hiểm Jipico trực tiếp tuyên truyền với phụ huynh trên tinh thần tự nguyện. Giá bảo hiểm 1 HS/năm là 200.000 đồng. Công ty Bảo hiểm có văn bản nhờ nhà trường thu hộ và nêu rõ trách nhiệm của các bên.

**3.4. Sách giáo khoa và đồ dùng học liệu**

Nhà trường thông báo danh mục sách giáo khoa mà UBND tỉnh phê duyệt. Phụ huynh tự mua sách và đồ dùng cho con em.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Tuyên truyền các văn bản hiện hành quy định các khoản thu góp tới CB, GV, NV trong các cuộc họp hội đồng; trên Web của đơn vị; thông qua họp cha mẹ học sinh;

- Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm thực hiện quy trình 5 bước tại Hướng dẫn liên ngành 2528/HDLN-SGDĐT-STC ngày 15/11/20224 của Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Tài chính.

- Công khai tài chính theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục.

Trên đây là kế hoạch thực hiện các khoản thu góp, ủng hộ năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Thị trấn Gia Lộc./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD&ĐT huyện (để b/c);
- VP Đảng ủy, HẸND, UBND TTGL (để b/c, phối hợp);
- Đại diện Hội CMHS (để phối hợp t/h);
- CB, GV, NV nhà trường (để phối hợp t/h);
- Lưu: HS.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phùng Văn Động**